

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-03-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Chính;
2. Ông Nguyễn Công Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tăng Tuấn T, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Châu H, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Châu H, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2020 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Tăng Tuấn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Hằng N cưới nhau vào năm 2003 đến ngày 24/11/2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu H, hôn nhân tự nguyện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm nhau. Do hôn nhân không hạnh phúc, nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Tăng Tuấn K, sinh ngày 06/5/2003 hiện sống với anh, anh xin nuôi con không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Hằng N vắng mặt, không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn với chị N, lý do ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung, giao anh T được quyền nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết do anh T không có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T yêu cầu ly hôn với chị N. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 24/11/2006 anh T và chị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu H, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Sau ly thân, vợ chồng không còn quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho nhau, không còn tình thương yêu vợ chồng.

[3] Theo biên xác minh ngày 30/12/2020 của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn L cha ruột của chị N, ông L xác nhận thông báo thụ lý, thông báo hòa giải của Tòa án ông đều nhận và có thông báo lại cho chị N biết nhưng chị N không về được. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng chị N vẫn vắng mặt. Mặt khác, thời gian vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, mạnh người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh T xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị N.

[4] Về con chung: Căn cứ giấy trích lục khai sinh của Ủy ban nhân dân xã Châu H, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng và lời trình bày của anh T, anh T và chị N có một con chung tên Tăng Tuấn K, sinh ngày 06/5/2003 hiện đang sống cùng anh T. Tại phiên tòa anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu K đang sống cùng anh T đã ổn định về tinh thần, vật chất và học hành. Nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh T là người yêu cầu xin ly hôn nên anh phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Tăng Tuấn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hằng N.

2. Về quyền nuôi con: Anh Tăng Tuấn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tăng Tuấn K, sinh ngày 06/5/2003 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tăng Tuấn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003276 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, anh T nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị Hằng N vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Châu H;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Nam**